

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Quang Truyền.

2. Ông Đinh Khắc Quỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương S:

\* *Nguyên đơn:* Chị **HPYP**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 6/13<sup>E</sup>, tổ 11, ấp TrA, xã TrĐ, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

\* *Bị đơn:* Anh **DMS**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 6/13<sup>E</sup>, tổ 11, ấp TrA, xã TrĐ, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị HPYP trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh DMS chung sống từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, chị đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng mỗi người đều giữ cái tôi của bản thân nên không thể dung hòa được và anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên DMN, sinh ngày 07/3/2003 và K, sinh ngày 16/3/2007. Khi ly hôn, do con chung DMN đã thành niên nên chị Pkhông yêu cầu giải quyết, đồng thời, chị Pyêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung K, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ptrình bày không có.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh DMS trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Pvề thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người mỗi ý tứ, không ai nhường nhịn ai nên thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra, do chị Pđi làm ăn xa tận Nam Vang, Campuchia nên lâu dần tình cảm không còn như trước và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân gần 01 năm qua. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị Pyêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung DMN, sinh ngày 07/3/2003 và K, sinh ngày 16/3/2007. Khi ly hôn, do con chung DMN đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết, đồng thời, anh đồng ý để chị Ptiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh S trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân S. Đương S thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa các đương S chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị HPYP và anh DMS chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính tình. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh chị đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu

nộp lệ phí, án phí, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị HPYP và anh DMS.

Về con chung: Có 02 con chung là DMN, sinh ngày 07/3/2003 và K, sinh ngày 16/3/2007, giao cháu Khôi cho chị Pchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu N đã thành niên nên chị Pkhông yêu cầu giải quyết, ghi nhận chị Pkhông yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Pphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Pvà bị đơn anh S vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Pvà anh S theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị HPYP và anh DMS thấy rằng: Chị Pvà anh S chung sống với nhau vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Pvà anh S trình bày là do bất đồng quan điểm sống nên anh chị thương xuyên cãi vã và anh chị đã ly thân gần 01 năm nay. Chị Pyêu cầu ly hôn với anh S và anh S đồng ý. Xét việc chị Pvà anh S chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nên tuyên bố không công nhận chị Pvà anh S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Phượng, anh S chung sống có 02 con chung tên DMN, sinh ngày 07/3/2003 và K, sinh ngày 16/3/2007. Do cháu N đã thành niên nên chị Pvà anh S không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu của chị P về việc nuôi dưỡng cháu Khôi, thấy rằng: Cháu Khôi hiện còn nhỏ, đang sống ổn định cùng chị Phượng, đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2022 thì cháu Khôi có nguyện vọng chung sống cùng chị P nên cần giao cháu Khôi cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Pkhông yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phượng, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- [2.4] Về nợ chung: Chị Phượng, anh S trình bày không có.  
[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.  
[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là hợp lý cần chấp nhận.  
Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị HPYP và anh DMS là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị HPYP và anh DMS có 02 con chung tên DMN, sinh ngày 07/3/2003 và K, sinh ngày 16/3/2007. Do con chung DMN đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Chị P được **quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung K.**

Ghi nhận chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phượng, anh S khai nhận không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị P và anh S khai nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Chị HPYP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân S sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020557 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân S thị xã HT, tỉnh TN.

Chị Phượng, anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### Nơi nhân:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND xã TrĐ;
- Các đương S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Vân**